

Số: /TB-TQT

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

**THÔNG BÁO TUYỂN SINH ĐỢT 2 NĂM 2023**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ**  
**CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ**

**I. THÔNG TIN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**1. Một số thông tin về chương trình đào tạo**

**- Tên chuyên ngành đào tạo:**

+ Tiếng Việt: Kinh tế và Quản lý

+ Tiếng Anh: Economics and Management

**- Mã số chuyên ngành đào tạo:** Chuyên ngành đào tạo thí điểm

+ Mã số đề xuất: 9310116.01QTD

**- Trình độ đào tạo:** Tiến sĩ

**- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:**

+ Tiếng Việt: Tiến sĩ chuyên ngành Kinh tế và Quản lý

+ Tiếng Anh: The Degree of Doctor in Economics and Management

**2. Ngôn ngữ đào tạo**

- Ngôn ngữ sử dụng trong giảng dạy và học tập: Nghiên cứu sinh lựa chọn ngôn ngữ đào tạo tiếng Việt hoặc tiếng Anh.

- Ngôn ngữ sử dụng trong viết và bảo vệ luận án tiến sĩ: Nghiên cứu sinh lựa chọn ngôn ngữ tiếng Việt hoặc tiếng Anh.

**3. Thời gian đào tạo:** 04 năm đối với người có bằng tốt nghiệp đại học, 03 năm đối với người có bằng thạc sĩ.

**II. THÔNG TIN TUYỂN SINH**

**1. Chỉ tiêu tuyển sinh:** 15 nghiên cứu sinh/năm.

**2. Hình thức tuyển sinh:** Xét tuyển thông qua đánh giá hồ sơ chuyên môn theo qui định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

**3. Đối tượng và điều kiện tuyển sinh**

**3.1. Yêu cầu về văn bằng, ngành học, loại tốt nghiệp**

Chương trình Tiến sĩ Kinh tế và Quản lý có tính chất liên ngành, trong đó tập trung vào kinh tế hành vi và quản lý trong lĩnh vực kinh tế.

*Đối tượng tuyển sinh thỏa mãn một trong số các điều kiện sau:*

- Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy hạng Giỏi trở lên hoặc bằng tốt nghiệp thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp với nhóm ngành Kinh tế học, Kinh doanh; Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm; Kế toán – Kiểm toán.

- Có bằng tốt nghiệp thạc sĩ hoặc bằng cử nhân tốt nghiệp đại học chính quy hạng Giỏi trở lên một số ngành thuộc nhóm ngành Quản lí – Quản trị, Chính sách công và phát triển với điều kiện các ngành/chuyên ngành này (kể cả các ngành/chuyên ngành thí điểm) phải thuộc lĩnh vực kinh tế.

- Trường hợp thí sinh phải học bổ sung kiến thức thì cần hoàn thành trước khi đăng ký dự tuyển.

- Danh mục các ngành/chuyên ngành phù hợp được quy định tại **Phụ lục 1**.

*Lưu ý: Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.*

### **3.2. Yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm nghiên cứu**

- Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu và các công trình công bố theo quy định của ĐHQGHN. Riêng các thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp nhưng phải học bổ sung kiến thức hoặc thí sinh dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả tối thiểu của 01 bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc 01 báo cáo khoa học đăng tại kỷ yếu của các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phản biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu, được hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư của ngành/liên ngành công nhận.

- Có dự thảo đề cương nghiên cứu, trong đó nêu rõ tên đề tài dự kiến, lĩnh vực nghiên cứu; lí do lựa chọn lĩnh vực, đề tài nghiên cứu; giản lược về tình hình nghiên cứu lĩnh vực đó trong và ngoài nước; mục tiêu nghiên cứu; một số nội dung nghiên cứu chủ yếu; phương pháp nghiên cứu và dự kiến kết quả đạt được; lí do lựa chọn đơn vị đào tạo; kế hoạch thực hiện trong thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh cho việc thực hiện luận án tiến sĩ. Trong đề cương có thể đề xuất cán bộ hướng dẫn.

- Có thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực chuyên môn mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá người dự tuyển về:

+ Phẩm chất đạo đức, năng lực và thái độ nghiên cứu khoa học, trình độ chuyên môn của người dự tuyển;

+ Đối với nhà khoa học đáp ứng các tiêu chí của người hướng dẫn nghiên cứu sinh và đồng ý nhận làm cán bộ hướng dẫn luận án, cần bổ sung thêm nhận xét về tính cấp thiết, khả thi của đề tài, nội dung nghiên cứu; và nói rõ khả năng huy động nghiên cứu sinh vào các đề tài, dự án nghiên cứu cũng như nguồn kinh phí có thể chi cho hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu sinh (nếu có);

+ Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh.

### **3.3. Yêu cầu về ngoại ngữ**

Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ tiếng Anh phù hợp với chuẩn đầu ra về ngoại ngữ của chương trình đào tạo được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng Anh;

- Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ tiếng Anh hoặc sư phạm tiếng Anh do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

- Có chứng chỉ tiếng Anh tương đương trình độ bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ ngoại ngữ đến ngày đăng ký dự tuyển được cấp bởi các cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đại học Quốc gia Hà Nội chấp nhận (**Phụ lục 2, Phụ lục 3**);

Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ tiếng Anh theo quy định của chương trình đào tạo (trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ).

### **3.4. Điều kiện khác**

- a) Có lí lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- b) Có đủ sức khỏe để học tập;
- c) Nộp đầy đủ, đúng thủ tục, đúng thời hạn các văn bằng, chứng chỉ, giấy tờ và lệ phí dự thi theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội và của đơn vị đào tạo.

## **4. Danh mục các chuyên ngành phù hợp (Phụ lục 1).**

### **5. Quy trình xét tuyển nghiên cứu sinh**

Bước 1: Thí sinh trình bày đề cương nghiên cứu và kế hoạch thực hiện trước tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh. Vấn đề dự định nghiên cứu của thí sinh phải phù hợp với các lĩnh vực, hướng nghiên cứu mà đơn vị chuyên môn đang thực hiện, có người đủ tiêu chuẩn theo quy định đồng ý nhận hướng dẫn. Các thành viên tiểu ban chuyên môn phỏng vấn để đánh giá thí sinh về năng lực kiến thức chuyên môn; sự rõ ràng về ý tưởng đối với mục tiêu, nội dung, phương pháp nghiên cứu; tính khả thi của đề tài và kế hoạch nghiên cứu, những tư chất cần có của một nghiên cứu sinh;

Bước 2: Thành viên tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh đánh giá phân loại thí sinh thông qua hồ sơ dự tuyển (kết quả học tập ở trình độ đại học, thạc sĩ; trình độ ngoại ngữ; thành tích nghiên cứu khoa học; kinh nghiệm hoạt động chuyên môn; chất lượng đề cương nghiên cứu thông qua sự hiểu biết của thí sinh về lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu, nội dung và phương pháp nghiên cứu, dự kiến kết

quả nghiên cứu và kế hoạch học tập được trình bày trong đề cương nghiên cứu; ý kiến nhận xét đánh giá và ủng hộ thí sinh trong thư giới thiệu) và phần trình bày, trả lời các câu hỏi của thí sinh.

Bước 3: Tiểu ban chuyên môn có trách nhiệm tổ chức xem xét đánh giá hồ sơ dự tuyển và đề cương nghiên cứu sinh, cho điểm đánh giá với thang điểm tối đa là 100. Người đạt yêu cầu được xét tuyển phải có điểm đánh giá hồ sơ và đề cương nghiên cứu tối thiểu đạt 60/100, trong đó điểm đề cương nghiên cứu tối thiểu phải đạt 25/40.

## **6. Tổ chức xét tuyển**

- Công bố công khai danh sách thí sinh đủ điều kiện dự tuyển trên website của đơn vị đào tạo và thông tin dự thi của thí sinh trên cổng thông tin tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN trước ngày 13/09/2023 (đợt 2).

- Các HĐTS SDH công bố kết quả thi trên phần mềm tuyển sinh sau đại học và website của đơn vị trước ngày 27/09/2023 (đợt 2).

*Lưu ý: Nhà trường tiến hành xác minh các loại văn bằng, chứng chỉ của các thí sinh dự tuyển nghiên cứu sinh trước khi ra Quyết định công nhận nghiên cứu sinh.*

## **7. Hồ sơ dự tuyển**

Mỗi ứng viên nghiên cứu sinh chuẩn bị 02 bộ hồ sơ, bao gồm:

- Phiếu đăng ký dự tuyển nghiên cứu sinh theo mẫu có xác nhận của cơ quan công tác hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú.

- Bản sao công chứng: Bằng và bảng điểm đại học; Bằng và bảng điểm thạc sĩ. (Giấy chứng nhận công nhận văn bằng của Cục quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo trong trường hợp bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp).

- Sơ yếu lý lịch có xác nhận của thủ trưởng cơ quan quản lý hoặc chính quyền địa phương nơi thí sinh cư trú (thời hạn 6 tháng).

*Lưu ý: Ảnh trên sơ yếu lý lịch phải có dấu giáp lai của thủ trưởng cơ quan quản lý hoặc chính quyền địa phương nơi thí sinh cư trú.*

- Lý lịch khoa học.

- Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập của bệnh viện đa khoa hoặc trung tâm y tế cấp Quận/Huyện trở lên (thời hạn trong vòng 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ).

- Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức).

- Bản sao công chứng văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ.

- Thư giới thiệu từ ít nhất một nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ cùng chuyên ngành hoặc lĩnh vực nghiên cứu, trong đó có một nhà khoa học nhận hướng dẫn luận án.

- Đề cương nghiên cứu (đóng quyển bìa xanh, nộp 06 bản).

- Bản sao có công chứng QĐ tuyển dụng, bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động dài hạn, kèm theo công văn xác nhận thời gian công tác của thủ trưởng cơ quan để chứng

nhận thâm niên công tác phù hợp với chuyên ngành dự thi.

- Bản sao có công chứng giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên (nếu có)
- Bản cam đoan tính hợp lệ của văn bằng, chứng chỉ đã nộp.
- 03 ảnh màu 4x6 (chụp trong vòng 6 tháng) ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh, ngành dự thi vào mặt sau ảnh và 02 phong bì có dán sẵn tem ghi rõ địa chỉ người nhận.

*Lưu ý: Các đối tượng sử dụng văn bằng, chứng chỉ không hợp lệ trong các kỳ thi tuyển sinh sau đại học ở ĐHQGHN sẽ không được tham gia dự thi trong năm đó và 2 năm tiếp theo. Hồ sơ tuyển sinh và nhập học không trả lại.*

## **8. Đăng ký dự tuyển**

**Việc đăng ký dự tuyển được thực hiện theo hai bước:**

**Bước 1:** Đăng kí trên phần mềm tuyển sinh sau đại học:

- Truy cập vào cổng đăng ký tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN tại địa chỉ: <http://tssdh.vnu.edu.vn> khai báo các thông tin cơ bản theo hướng dẫn. Người dự tuyển đã đăng kí tài khoản trong những kì tuyển sinh trước và chưa nhập học tại bất kì đơn vị nào trong ĐHQGHN có thể sử dụng tài khoản đã có để đăng kí dự tuyển. Người dự tuyển phải cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực trong các thông tin khai báo. Người dự tuyển không hoàn thành việc đăng kí trực tuyến sẽ không đủ điều kiện dự tuyển.

- **Thời gian đăng ký: Đợt 2: từ 8h00 ngày 22/5/2023 đến 17h00 ngày 30/8/2023.**

**Bước 2:** Nộp hồ sơ:

- Người dự tuyển chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ và sắp xếp theo thứ tự (bản photo công chứng).

- **Thời gian nộp hồ sơ (trong giờ hành chính): Đợt 2: từ 8h00 ngày 22/5/2023 đến 17h00 ngày 30/8/2023.**

- Địa điểm: Phòng Sau đại học, Trường Quốc tế, tầng 2, nhà G7, số 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.

*Chú ý: Thí sinh đăng kí xét cấp học bổng dành cho NCS có năng lực nghiên cứu xuất sắc, ngoài việc nộp hồ sơ dự tuyển phải khai báo thông tin và nộp hồ sơ đăng kí xét cấp học bổng tại địa chỉ <http://hocbong.vnu.edu.vn>*

**Lệ phí dự tuyển: 1.500.000 đồng/thí sinh.**

Người dự tuyển có thể chọn một trong hai cách sau:

**Cách 1:** Chuyển khoản từ Ngân hàng bất kỳ hoặc qua hệ thống Internet Banking phải thực hiện nội dung chuyển khoản như sau:

- Cấu trúc nộp lệ phí tuyển sinh: Họ và tên, năm sinh, CK TSKTQL2023
- Tên tài khoản: **Trường Quốc tế - Đại học Quốc gia Hà Nội**
- Số tài khoản: **0711 000 305888**
- Ngân hàng: **Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân.**

**Cách 2:** Nộp tiền mặt khi nộp hồ sơ.

### **III. HỌC PHÍ**

#### **1. Học phí**

- **Đối với chương trình đào tạo tiến sĩ bằng Tiếng Việt:** Học phí là 216.000.000 VND/ nghiên cứu sinh/ khóa đào tạo (Hai trăm mười sáu triệu đồng). Mức học phí này áp dụng cho chương trình đào tạo tối đa 03 năm.

- **Đối với chương trình đào tạo tiến sĩ bằng Tiếng Anh:** Học phí là 288.000.000 VND/ nghiên cứu sinh/ khóa đào tạo (Hai trăm tám mươi tám triệu đồng). Mức học phí này áp dụng cho chương trình đào tạo tối đa 03 năm.

- Mức học phí trên đã bao gồm tiền teabreak giữa giờ, giáo trình và tài liệu học tập;

- Mức học phí trên không bao gồm kinh phí học bổ sung, chuyển đổi kiến thức, phí thi lại, phí học lại, phí gia hạn thời gian, phí bảo vệ lại luận án,... (khi học viên không đảm bảo đúng tiến độ, điều kiện và chất lượng của chương trình đào tạo);

- Học viên nộp học phí bằng tiền Việt Nam Đồng.

#### ***Thông tin chi tiết xin liên hệ:***

- Phòng Sau Đại học: Tầng 2, nhà G7, Trường Quốc tế, số 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.

- Điện thoại liên hệ: 0243 672 0999/0964 250 002.

- Email: tuyensinhtiensi@vnuis.edu.vn

- Website: <https://www.is.vnu.edu.vn/>

#### ***Nơi nhận:***

- ĐHQGHN (để b/c);
- Hiệu trưởng (để b/c);
- Website Trường Quốc tế;
- HĐTS SDH (để thực hiện);
- Lưu: VT, SDH, SA3.

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**Trần Anh Hòa**

## Phụ lục 1

### Danh mục các ngành/chuyên ngành phù hợp

(Kèm theo Thông báo số 172/TB-TQT ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Trường Quốc tế - ĐHQGHN)

#### 1. Ngành/chuyên ngành phù hợp không phải bổ sung kiến thức:

Quản lí kinh tế; Quản trị kinh doanh; Kinh doanh quốc tế.

#### 2. Ngành/chuyên ngành phù hợp phải bổ sung kiến thức:

##### Nhóm 1:

Nhóm ngành	Ngành/chuyên ngành	Học phần bổ sung	Số tín chỉ
Kinh tế học	- Kinh tế học	<b>Bắt buộc: 1 học phần</b>	<b>3</b>
	- Kinh tế chính trị	- Hành vi tổ chức & Lãnh đạo	3
	- Kinh tế đầu tư	<b>Tự chọn: 2/10 học phần</b>	<b>6</b>
	- Kinh tế phát triển	- Môi trường kinh doanh quốc tế	3
	- Kinh tế quốc tế	- Luật pháp trong kinh doanh quốc tế	3
	- Thống kê kinh tế	- Quản trị chiến lược quốc tế nâng cao	3
	- Toán kinh tế	- Quản trị nguồn nhân lực quốc tế nâng cao	3
	- Kinh tế số		
Kinh doanh	- Kinh doanh thương mại	- Phân tích chính sách kinh tế - xã hội	3
	- Marketing	- Quản lí nhà nước về kinh tế nâng cao	3
	- Thương mại điện tử	- Tăng trưởng phát triển và sự chuyển đổi kinh tế	3
Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm	- Công nghệ tài chính	- Quản trị rủi ro quốc tế	3
	- Tài chính - Ngân hàng	- Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu nâng cao	3
Kế toán – Kiểm toán	- Kế toán		
	- Kiểm toán	- Quản trị tài chính quốc tế	3
Luật	- Luật kinh tế		
<b>Tổng</b>			<b>9</b>

##### Nhóm 2:

Nhóm ngành	Ngành/chuyên ngành	Học phần bổ sung	Số tín chỉ
Quản trị - Quản lí	- Chính sách công (trong lĩnh vực kinh tế)	<b>Bắt buộc: 3 học phần</b>	<b>9</b>
	- Quản lí công (trong lĩnh vực kinh tế)	- Hành vi tổ chức & Lãnh đạo	3
	- Hệ thống thông tin quản lí	- Phân tích kinh tế	3
		- Các phương pháp định lượng	3
		<b>Tự chọn: 2/10 học phần</b>	<b>6</b>
Khác	Chính sách công và phát triển	- Môi trường kinh doanh quốc tế	3
		- Luật pháp trong kinh doanh quốc tế	3
		- Quản trị chiến lược quốc tế nâng cao	3
		- Quản trị nguồn nhân lực quốc tế nâng cao	3

	Quản trị các tổ chức tài chính	- Phân tích chính sách kinh tế - xã hội - Quản lí nhà nước về kinh tế nâng cao	3 3
	Quản trị công nghệ và phát triển doanh nghiệp	- Tăng trưởng phát triển & sự chuyển đổi kinh tế - Quản trị rủi ro quốc tế - Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu nâng cao - Quản trị tài chính quốc tế	3 3 3 3
<b>Tổng</b>			<b>15</b>



## Phụ lục 2

### Bảng tham chiếu mức điểm tối thiểu một số chứng chỉ Ngoại ngữ tương đương theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

(Kèm theo Thông báo số /TB-TQT ngày tháng năm 2023 của Trường Quốc tế - ĐHQGHN)

#### Tiếng Anh

Khung năng lực ngoại ngữ VN	IELTS	TOEFL	Aptis ESOL	Cambridge Exam	Vietnamese Standardized Test of English Proficiency
Bậc 3	4.5	42 iBT	B1	A2 Key: 140 B1 Preliminary: 140 B2 First: 140 B1 Business Preliminary: 140 B2 Business Vantage: 140	VSTEP.3-5 (4.0)
Bậc 4	5.5	72 iBT	B2	B1 Preliminary: 160 B2 First: 160 C1 Advanced: 160 B1 Business Preliminary: 160 B2 Business Vantage: 160 C1 Business Higher: 160	VSTEP.3-5 (6.0)
Bậc 5	7.0	95 iBT	C1	B2 First: 180 C1 Advanced: 180 C2 Proficiency: 180 B2 Business Vantage: 180 C1 Business Higher: 180	VSTEP.3-5 (8.5)

**Ghi chú:** (\*) Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu người học cần đạt được; trường hợp các chứng chỉ ngoại ngữ dùng làm minh chứng để xác định CDR có đủ phần thi cho 4 kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết thì người học phải tham dự đủ 4 kỹ năng nói trên. Đại học Quốc gia Hà Nội không công nhận các chứng chỉ ngoại ngữ thi online./.

### Phụ lục 3

## Danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ, chứng nhận ngoại ngữ được công nhận trong tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN

(Kèm theo Thông báo số /TB-TQT ngày tháng năm 2023 của Trường Quốc tế - ĐHQGHN)

### 1. Chứng chỉ, chứng nhận ngoại ngữ

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ, chứng nhận	Chứng chỉ Tiếng Anh
1	Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN	√
2	Trường Đại học Hà Nội	√
3	Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐH Huế	√
4	Trường Đại học SP TP. Hồ Chí Minh	√
5	Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐH Đà Nẵng	√
6	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	√
7	Đại học Bách khoa Hà Nội	√
8	Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia TP.HCM	√
9	Đại học Thái Nguyên	√
10	Trường Đại học Cần Thơ	√
11	Trường Đại học Nam Cần Thơ	√
12	Trường Đại học Vinh	√
13	Học viện An ninh nhân dân	√
14	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	√
15	Trường Đại học Thương mại	√
16	Trường Đại học Ngoại thương	√
17	Học viện Khoa học quân sự	√
18	Học viện Cảnh sát nhân dân	√
19	Trường Đại học Quy Nhơn	√
20	Trường Đại Học Tây Nguyên	√
21	Trường Đại học Sài Gòn	√
22	Trường Đại học Văn Lang	√
23	Trường Đại học Trà Vinh	√
24	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM	√
25	Trường Đại Học Công nghiệp TP.HCM	√
26	Trường Đại học Công nghiệp thực phẩm TP.HCM	√
27	Trường Đại học Kinh tế Tài chính TP.HCM	√

Ghi chú: (\*) Mẫu chứng chỉ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Thông báo số 691/TB-QLCL ngày 08 tháng 5 năm 2020.

## 2. Các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ	Các chứng chỉ được công nhận			
		IELTS	TOEFL	Cambridge Exam	Aptis ESOL
1	Educational Testing Service (ETS)		√		
2	British Council (BC)	√			
3	International Development Program (IDP)	√			
4	Cambridge ESOL	√		√	
5	Aptis ESOL International Certificate (được cấp từ ngày 16 tháng 11 năm 2022 bởi các công ty hoặc tổ chức do Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép tại Quyết định số 3646/QĐ-BGDĐT)				√

#### Phụ lục 4

### Danh mục định hướng nghiên cứu và danh sách các nhà khoa học có thể hướng dẫn NCS năm 2023

(Kèm theo Thông báo số 172/TB-TQT ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Trường Quốc tế - ĐHQGHN)

STT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu có thể nhận NCS	Họ tên, học hàm, học vị người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận
1	Nghiên cứu thể chế đối với phát triển kinh tế, vai trò của khoa học công nghệ với phát triển kinh tế, nghiên cứu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, mô hình tăng trưởng kinh tế, nghiên cứu vùng kinh tế trọng điểm	GS. TS. Lê Quân PGS.TS. Hoàng Văn Hải PGS. TS. Nguyễn Anh Tuấn TS. Trần Quang Tuyên TS. Nguyễn Việt Cường TS. Tạ Huy Hùng PGS. TS. Đào Thanh Trường TS. Hoàng Văn Tuyên TS. Lê Hương Linh TS. Ammar Ali GULL	10
2	Nghiên cứu thị trường quốc tế, thương mại quốc tế, chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị toàn cầu, nghiên cứu tác động của hiệp định song phương và đa phương đến dòng vốn đầu tư quốc tế ở Việt Nam	PGS. TS. Nguyễn Anh Tuấn TS. Lê Đại Hùng GS. Stéphane Goutte TS. Nghiêm Xuân Hòa PGS.TS. Đỗ Xuân Hùng TS. Hoàng Việt Ngữ TS. Đặng Hoàng Hải Anh TS. Trần Thị Thu Hương TS. Trần Công Thành	10
3	Nghiên cứu chính sách tài khóa, tài chính tiền tệ, nghiên cứu phát triển thị trường tài chính, tái cấu trúc hệ thống ngân hàng, các vấn đề quản trị tài chính, quản trị ngân hàng	PGS. TS. Nguyễn Văn Định PGS.TS. Trần Thị Thanh Tú TS. Nguyễn Thị Kim Oanh TS. Đỗ Phương Huyền TS. Nguyễn Phú Hưng GS. Sabri Boubker TS. Lê Thị Thu Hương GS.TS. Nguyễn Khương	10
4	Nghiên cứu về đầu tư nước ngoài, hoàn thiện định chế pháp lý, mô hình quản trị doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin và hoàn thiện hệ thống thông tin trong quản lý, nghiên cứu thương mại điện tử	GS.TS. Lê Quân PGS.TS. Lưu Thị Minh Ngọc PGS.TS. Hoàng Văn Hải PGS.TS. Đào Thanh Trường TS. Nguyễn Phương Mai TS. Tạ Huy Hùng PGS.TS. Trần Thị Oanh	5
5	Nghiên cứu những lý thuyết mới trong kinh doanh hiện đại,	PGS. TS. Lưu Thị Minh Ngọc TS. Nguyễn Phương Mai	5

<b>STT</b>	<b>Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu có thể nhận NCS</b>	<b>Họ tên, học hàm, học vị người có thể hướng dẫn NCS</b>	<b>Số lượng NCS có thể nhận</b>
	nghiên cứu xây dựng lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp, xu thế nhượng quyền thương mại, hành vi tiêu dùng, phát triển bền vững	TS. Hồ Nguyên Như Ý TS. Nguyễn Thế Cường TS. Trần Công Thành TS. Lê Thị Mai TS. Bùi Mỹ Trinh	
6	Nghiên cứu pháp luật về đất đai, pháp luật cạnh tranh, tập trung kinh tế, pháp luật sở hữu trí tuệ	PGS. TS. Trần Văn Hải TS. Nguyễn Như Quỳnh TS. Trần Kiên	2
7	Hành vi tiêu dùng	PGS.TS. Lưu Thị Minh Ngọc TS. Nguyễn Phương Mai TS. Trần Công Thành TS. Bùi Mỹ Trinh TS. Nguyễn Thế Cường	4
8	Quản trị đại học	GS.TS. Lê Quân PGS.TS. Nguyễn Anh Tuấn PGS.TS. Hoàng Văn Hải PGS.TS. Đinh Văn Toàn TS. Nguyễn Phương Mai	3
9	Văn hóa tổ chức, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, phát triển bền vững	PGS.TS. Hoàng Văn Hải TS. Nguyễn Phương Mai PGS.TS. Lưu Thị Minh Ngọc PGS.TS. Đinh Văn Toàn	4